TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v ly hôn giữa chị U và anh T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà bà Nguyễn Thị Thanh Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Chị Hà Thị U, sinh năm 1993 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện N, Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991 "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2018 và trong quá trình xét xử, ngU đơn chị Hà Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đình T tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang ngày 16/01/2012. Năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau kể từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài do vậy chị thiết tha xin được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung Nguyễn Đình Quang H, sinh ngày 03/6/2012, Nguyễn Đình Q, sinh ngày 25/3/2017. Nay vợ chồng ly hôn về con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đình T là bị đơn có địa chỉ tại thôn D, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án giao, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn quy định anh T không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện N đã T hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Đình T, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy quyền lợi của anh T đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn

cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn T hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Hà Thị U và anh Nguyễn Đình T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 4 năm 2018, hai bên đã sống ly thân. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thiết tha xin được ly hôn với anh T. HĐXX thấy tình cảm vợ chồng giữa chị U và anh T đã căng thẳng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị U và anh T được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Chị Hà Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hà Thị U và anh Nguyễn Đình T.

2. Án phí: Chị Hà Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003114 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- TAND tỉnh Bắc Giang
-VKSND huyện N;
-THADS huyện N;
-UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hường